

Số: /QĐ-SNV

Quảng Bình, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BNV ngày 15/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định tặng Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND ngày 15/7/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng tỉnh Quảng Bình;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua, khen thưởng Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình.


Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc và toàn thể công chức, viên chức, người lao động của Sở Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC


Trần Thế Vương

QUY CHẾ**Thi đua, khen thưởng Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SNV ngày /11/2021 của
Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình)

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Sở Nội vụ Quảng Bình.

2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định tại Quy chế này thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng theo Quy chế này, bao gồm:

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ (sau đây gọi tắt là cá nhân).

2. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ (sau đây gọi tắt là tập thể).

Điều 3. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

1. Thi đua được thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai, đảm bảo tinh thần đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng

Bảo đảm các nguyên tắc quy định tại khoản 3, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013; Điều 3, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 2, Điều 3, Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 3, Điều 4, Quy chế Thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình và các quy định sau:

1. Không khen thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Các cá nhân trong một năm đã được tặng thưởng Bằng khen Thủ tướng Chính phủ trở lên hoặc danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh thì không trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen và năm tiếp theo không xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, trừ trường hợp khen thành tích đột xuất, khen chuyên đề.

2. Mỗi tập thể, cá nhân trong một năm được tặng không quá 02 Bằng khen (trừ khen thưởng thành tích đột xuất).

3. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo, quản lý.

4. Chỉ lấy kết quả khen thưởng theo công trạng và thành tích toàn diện làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng theo đợt (chuyên đề) được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng vào dịp khen thưởng tổng kết năm.

5. Chưa xét khen thưởng đối với: Tập thể, cá nhân đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang chờ kết luận của cơ quan chức năng (không bao gồm đơn thư nặc danh); tập thể có cá nhân là lãnh đạo chủ chốt (người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu) đang bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên hoặc đơn vị có thời gian hoạt động dưới 01 năm (12 tháng).

6. Chú trọng khen thưởng các tập thể và các đối tượng là người lao động trực tiếp và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.

7. Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng. Khi có nhiều cá nhân, tập thể có đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

Chương II

HỘI ĐỒNG THI ĐUA – KHEN THƯỞNG VÀ KHOA HỌC, SÁNG KIẾN; PHONG TRÀO THI ĐUA VÀ DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Khoa học, sáng kiến

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Khoa học, sáng kiến Sở Nội vụ (sau đây gọi chung là Hội đồng) gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên Hội đồng.

a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở;

b) Phó chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Công đoàn Sở;

c) Thành viên Hội đồng: Là các Phó Giám đốc Sở; Chánh Văn phòng Sở kiêm Thư ký Hội đồng; người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Sở.

Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, họp xét trên nguyên tắc biểu quyết theo đa số.

Điều 6. Trách nhiệm của Hội đồng

1. Tham mưu Giám đốc Sở phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

2. Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn của cơ quan.

3. Chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Hội đồng và giải quyết các công việc thường xuyên của Hội đồng.

4. Tham mưu Giám đốc Sở tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 7. Hình thức và nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Thi đua thường xuyên được tổ chức thực hiện hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm nhằm thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu và chương trình, kế hoạch công tác đề ra.

2. Thi đua theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ công tác trọng tâm, hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong một khoảng thời gian nhất định với mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp được xác định rõ.

3. Nội dung tổ chức phong trào thi đua, thực hiện theo quy định tại Điều 5, Nghị định 91/2017/NĐ-CP và Điều 5, Thông tư số 12/2019/TT-BNV.

Điều 8. Danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân

- a) Chiến sĩ thi đua toàn quốc;
- b) Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh;
- c) Chiến sĩ thi đua cơ sở;
- d) Lao động tiên tiến.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể

- a) Cờ thi đua của Chính phủ;
- b) Cờ thi đua cấp Bộ, tỉnh;
- c) Tập thể lao động xuất sắc;
- d) Tập thể lao động tiên tiến.

Chương III
LOẠI HÌNH KHEN THƯỞNG,
TIÊU CHUẨN CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 9. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được

Là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

2. Khen thưởng theo đợt (chuyên đề)

Là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt thành tích xuất sắc sau khi sơ kết, tổng kết thực hiện các chương trình mục tiêu hoặc một chuyên đề cuộc thi, liên hoan, triển lãm, các giải thi đấu, nhiệm vụ hàng tháng, hàng quý... Hình thức khen thưởng trên gắn liền với kế hoạch, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Khen thưởng đột xuất

Là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất, ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm.

Điều 10. Hình thức khen thưởng

1. Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Bằng khen bộ, ngành Trung ương, của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Kỷ niệm chương của Bộ Nội vụ: “Vì sự nghiệp ngành Tổ chức nhà nước”, “Vì sự nghiệp Thi đua, Khen thưởng”, “Vì sự nghiệp Quản lý nhà nước về Tín ngưỡng, Tôn giáo”, “Vì sự nghiệp Văn thư, Lưu trữ”.

3. Giấy khen của Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ, Trưởng ban Thi đua - Khen thưởng trung ương, Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Giám đốc Sở Nội vụ...

Điều 11. Tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 6, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 10, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, cụ thể:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;

- Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, cụ thể:

- Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- Có sáng kiến đề tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ quan công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, đơn vị.

b) Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trong tổng số các cá nhân được xét tặng “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, tỷ lệ người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không dưới 30%.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, được xét tặng cho các cá nhân đạt tiêu chuẩn sau:

- Đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.
- Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân có ảnh hưởng đối với ngành, tỉnh và được Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh công nhận.

4. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 12. Tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua đối với tập thể

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, được xét tặng hàng năm cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 28, Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật;
- d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng cho tập thể có thành tích xuất sắc trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên

tiên”, được xét tặng hàng năm theo quy định tại Điều 27, Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể:

- a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật;
- đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Tỷ lệ tập thể được tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không vượt quá 30% trong tổng số các tập thể được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

a) Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” thực hiện quy định tại Điều 26, Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 17, Quy chế Thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND.

b) Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của Sở (tập thể phải có số lượng công chức, viên chức, người lao động từ 07 thành viên trở lên) hoặc được xét tặng theo chuyên đề cho tập thể đạt thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu, các phong trào thi đua có quy mô, phạm vi ảnh hưởng rộng trong toàn tỉnh và do tỉnh phát động từ 05 năm trở lên.

Điều 13. Tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng

1. Giấy khen của Giám đốc Sở Nội vụ

a) Đối tượng

- Giấy khen của Giám đốc Sở được tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích thường xuyên, chuyên đề hoặc đột xuất; có nhiều đóng góp cho sự phát triển ngành Nội vụ;

- Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các tập thể, cá nhân ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, thi đua theo chuyên đề hoặc hoàn thành một nhiệm vụ... do đơn vị quản lý trực tiếp xem xét đề nghị Giám đốc Sở tặng thưởng.

b) Tiêu chuẩn

- Đối với cá nhân:

- + Lập được thành tích đột xuất;
- + Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và nghĩa vụ công dân;
- + Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- + Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ.

- Đối với tập thể:

- + Lập được thành tích đột xuất;
- + Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- + Nội bộ đoàn kết và thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua;
- + Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;
- + Tỷ lệ tập thể được tặng Giấy khen không quá 30%; cá nhân không quá 15%.

2. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Được xét tặng cho các tập thể, cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 39, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Quy định tại Điều 21, Quy chế Thi đua - Khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND.

a) Đối với cá nhân, phải đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động hàng năm;
- Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực Nội vụ;
- Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi Sở.

b) Đối với tập thể, phải đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có 02 năm trở lên liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật;
- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua.

c) Số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho cá nhân, tập thể khen thưởng công tác năm được quy định như sau:

- Đối với cá nhân: Không quá 15% trong tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

- Đối với tập thể: Không quá 30% trong tổng số tập thể có 02 năm trở lên liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

3. Bằng khen của Bộ Nội vụ

Được xét tặng cho các tập thể, cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 39, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

4. Tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

Huân chương các loại được thực hiện theo quy định tại Điều 14, 15, 16, 17, 18, 22, 23, 24, 31, 32, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện theo quy định tại Điều 38, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 14. Kỷ niệm chương và Huy hiệu

Thực hiện theo quy định tại Điều 37, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Thông tư số 14/2019/TT-BNV ngày 01/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định tặng Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH; THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 15. Thẩm quyền của Giám đốc Sở

Giám đốc Sở quyết định tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể lao động tiên tiến và tặng Giấy khen cho tập thể, cá nhân; đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh và trình khen thưởng cấp Nhà nước; đề nghị Bộ trưởng Bộ Nội vụ tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Bộ và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

Điều 16. Thủ tục và hồ sơ khen thưởng

1. Văn phòng Sở có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng của các tập thể, tổng hợp và trình Hội đồng TĐKT&KHSK Sở.

2. Hồ sơ xét danh hiệu thi đua gồm:

a) Văn bản đề nghị công nhận danh hiệu thi đua;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể;

c) Biên bản bình xét thi đua;

d) Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với sáng kiến hoặc văn bản nghiệm thu đề tài khoa học các cấp đối với các đề tài đã được nghiệm thu, sáng kiến đã được công nhận (nếu có).

3. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng gồm:

a) Văn bản đề nghị khen thưởng;

- b) Báo cáo thành tích của cá nhân hoặc tập thể được đề nghị khen thưởng;
- c) Biên bản xét khen thưởng;
- d) Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với phát minh, sáng kiến, đề tài khoa học.

4. Số lượng hồ sơ:

- Các hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở: 01 bộ;
- Thuộc thẩm quyền khen thưởng của Bộ Nội vụ, UBND tỉnh: 02 bộ;
- Thuộc thẩm quyền khen thưởng của cấp cao hơn: 03 bộ.

Điều 17. Thời gian nhận hồ sơ và họp xét khen thưởng

1. Khen thưởng thường xuyên: Hồ sơ đề nghị khen thưởng của các đơn vị gửi về Hội đồng TĐKT&KHSK Sở (qua Văn phòng Sở) trước ngày 05/12 hàng năm.

2. Khen thưởng đột xuất, chuyên đề: Gửi hồ sơ chậm nhất trong 05 ngày làm việc, kể từ khi lập được thành tích đột xuất hoặc khi kết thúc chuyên đề công tác.

3. Đối với tập thể, cá nhân khi đề nghị xét khen thưởng phải gửi đầy đủ các thủ tục hồ sơ được quy định tại Điều 16 của Quy chế này. Các tập thể, cá nhân không có hoặc không đầy đủ hồ sơ theo quy định thì Hội đồng TĐKT&KHSK Sở sẽ không xem xét và không chịu trách nhiệm đối với các tập thể, cá nhân đó.

4. Hội đồng TĐKT&KHSK Sở tổ chức họp xét đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khi có từ 2/3 số thành viên trong Hội đồng trở lên và trước ngày 10/12 hàng năm.

Ngoài ra, Hội đồng TĐKT&KHSK Sở tổ chức họp đột xuất để xét khen thưởng cho các cá nhân và tập thể lập thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, có sáng kiến nổi trội, quan trọng (khen chuyên đề, khen đột xuất).

Chương V QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 18. Quỹ thi đua, khen thưởng; sử dụng, quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 64, 65, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Việc sử dụng và quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 66, 67, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Cá nhân, tập thể được khen thưởng ngoài việc được công nhận các danh hiệu thi đua, Cờ Thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước; tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng

khen, Giấy khen kèm theo hiện vật khen thưởng còn được thưởng tiền quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73 và Điều 74 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 19. Nguyên tắc tính tiền thưởng và mức tiền thưởng

1. Nguyên tắc tính tiền thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng được thực hiện theo Điều 69, Điều 73, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP; Điều 40 Quy chế Thi đua - Khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND, cụ thể:

a) Đối với cá nhân:

- Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được thưởng 3,0 lần mức lương cơ sở;
- “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh” được thưởng 1,0 lần mức lương cơ sở;
- Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được thưởng 1,0 lần mức lương cơ sở;
- Cá nhân được tặng Giấy khen của Giám đốc Sở Nội vụ được thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở;
- Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở.

b) Đối với tập thể:

- Danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh” được thưởng 8,0 lần mức lương cơ sở;
- “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh” được thưởng 2,0 lần mức lương cơ sở;
- Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở;
- Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được thưởng 0,8 lần mức lương cơ sở;
- Tập thể được tặng Giấy khen các cấp được thưởng 0,6 lần mức lương cơ sở.

3. Các trường hợp khen thưởng đột xuất gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm, đạt giải trong các hội thi, hội diễn... tùy theo thành tích, phạm vi tác dụng nêu gương và khả năng Quỹ thi đua, khen thưởng để khen thưởng động viên, khuyến khích cho từng trường hợp do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

4. Mức tiền thưởng các hình thức khen thưởng khác được thực hiện theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 74, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

5. Mức tiền thưởng đối với các hình thức khen thưởng của Bộ Nội vụ hoặc Bộ Nội vụ trình cấp có thẩm quyền khen thưởng mà không có tiền thưởng thì do Giám đốc Sở xem xét, quyết định.

Chương VI

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN ĐƯỢC KHEN THƯỞNG; KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM TRONG CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 20. Quyền và trách nhiệm của cá nhân, tập thể được khen thưởng

1. Cá nhân được tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được cấp Bằng khen, Giấy khen, Giấy chứng nhận và tiền thưởng hoặc hiện vật theo quy định; có quyền lưu giữ, trưng bày và sử dụng; được xét nâng bậc lương trước thời hạn theo quy định; được ưu tiên cử đi nghiên cứu học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn ở trong và ngoài nước; các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng là một trong những căn cứ đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ hàng năm.

2. Tập thể được tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được cấp Bằng khen, Giấy khen, Giấy chứng nhận và tiền thưởng hoặc hiện vật theo quy định; có quyền lưu giữ, trưng bày và sử dụng hiện vật khen thưởng trên các văn bản tài liệu chính thức của cơ quan, đơn vị.

3. Cá nhân, tập thể được công nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng có trách nhiệm phát huy thành tích đã đạt được tiếp tục phấn đấu để lập thành tích cao hơn.

Điều 21. Kiểm tra, xử lý vi phạm trong công tác thi đua, khen thưởng

Việc kiểm tra, xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 96, 97, 98, Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 78, 79, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Văn phòng Sở có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, kiểm tra hồ sơ đề nghị khen thưởng, báo cáo Chủ tịch Hội đồng TĐKT&KHSK tổ chức họp Hội đồng.

Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở có trách nhiệm phổ biến cho các cá nhân tại đơn vị, đồng thời chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm Quy chế này.

Điều 23. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, phát sinh vấn đề mới hoặc phát hiện những vấn đề chưa phù hợp, các tập thể, cá nhân kịp thời phản ánh về Hội đồng TĐKT&KHSK Sở Nội vụ (qua Văn phòng Sở) để xem xét, tham mưu Giám đốc Sở sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn phong trào thi đua của Sở Nội vụ Quảng Bình./.